

Vietnam Daily Review

Tiếp tục tích lũy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/3/2021		•	
Tuần 22/3-26/3/2021		•	
Tháng 3/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục nhịp vận động tích lũy trước ngưỡng cản 1200 điểm. Dòng tiền đầu tư không biến động nhiều so với phiên trước khi chỉ có 8/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản giảm nhẹ và độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy tâm lý giao dịch cẩn trọng trước ngưỡng cản 1200 điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên sàn HSX trong khi mua ròng tại sàn HNX. Với xu hướng dòng tiền luân chuyển giữa các nhóm ngành và tâm lý giao dịch cẩn trọng, VN-Index có thể tích lũy trước ngưỡng 1200 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/3/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: AMV_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.38** điểm, đóng cửa **1,194.43** điểm. HNX-Index **-2.86** điểm, đóng cửa **274.84** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.77)**, **VHM(+1.34)**, **CTG(+0.65)**, **NVL(+0.47)**, **VRE(+0.37)**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.99)**, **TCB(-0.66)**, **VNM (-0.50)**, **MBB(-0.41)**, **BID(-0.38)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,709** tỷ đồng, **-2.8%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,792 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 10.39 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có **180** mã tăng, **66** mã tham chiếu và **274** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-466.74** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-172.3 tỷ)**, **CTG (-156.1 tỷ)** và **HPG (-79.9 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.01** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1194.43**
Giá trị: 13709.03 tỷ **0.38 (0.03%)**
Khối ngoại (ròng): -466.74 tỷ

HNX-INDEX **274.84**
Giá trị: 2711.28 tỷ **-2.86 (-1.03%)**
Khối ngoại (ròng): 9.01 tỷ

UPCOM-INDEX **81.28**
Giá trị: 1361.7 tỷ **-0.2 (-0.25%)**
Khối ngoại(ròng): 6.17 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	60.9	-0.91%
Giá vàng	1,731	-0.83%
Tỷ giá USD/VND	23,080	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	27,456	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	21,233	0.24%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	21.18%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSB	55.4	VNM	-172.3
VHM	22.8	CTG	-156.1
FUEVFN	11.5	HPG	-79.9
PDR	9.8	POW	-25.2
VRE	8.0	SSI	-24.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 22/3

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	60.39	-1.68%	-7.60%	-0.20%	88.31%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	63.78	-1.16%	-7.40%	1.00%	61.14%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	192.28	-1.04%	-8.60%	1.90%	109.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1730.32	-0.85%	-0.10%	-2.60%	8.72%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.54	-2.70%	-2.70%	-5.50%	82.90%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1414.50	-0.12%	-0.40%	2.80%	67.40%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	625.75	-0.20%	-3.00%	-5.90%	13.31%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.25	0.00%	-0.60%	-0.20%	2.85%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	242.94	1.34%	-2.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.76	-0.82%	-2.30%	-2.20%	42.50%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	129.00	-0.73%	-3.00%	1.30%	8.91%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	9057.00	0.02%	-0.30%	7.90%	88.30%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	737.59	0.67%	1.50%	6.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	786.30	1.61%	2.00%	8.30%			
Nhôm	USD/ton	2265.50	2.23%	4.40%	7.10%	43.20%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	156.58	-4.52%	-1.20%	-9.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	93.80	4.22%	6.90%	21.20%	34.19%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

- Giá dầu.**
- Dầu thô Brent giảm 0.34 USD hay 0.5% xuống 64.19 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 0.21 USD hay 0.3% xuống 61.21 USD/thùng. HĐTL dầu thô giảm chủ yếu bởi khả năng Đức tiếp tục thực hiện các biện pháp giãn cách phòng chống dịch bệnh trong tháng thứ năm liên tiếp.
- Giá vàng**
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.5% xuống 1,736.71 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2021 trên sàn New York giảm 0.2% xuống 1,732.5 USD/ounce.

	22/3	% 22/3	19/3	% 19/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1194.43	0.03%	1194.05	-0.57%	0.83%	1.71%
S&P 500			3913.10	-0.06%	-0.77%	-0.46%
HĐTL S&P500	3897.75	-0.05%	3899.80	-0.16%	-1.53%	-0.04%
Shang- hai	3443.44	1.14%	3404.66	-1.69%	0.69%	-6.31%
Euro Stoxx	3825.03	-0.31%	3837.02	-0.79%	-0.13%	3.91%

Phân tích kỹ thuật

AMV_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: AMV hiện đang có trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi đã có giai đoạn tích lũy ngắn hạn tại khu vực quanh 12.5. Thanh khoản tăng mạnh trong phiên hôm nay đã giúp cổ phiếu tăng ấn tượng 8.06%. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có tiềm năng duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của AMV nằm tại khu vực 12.5-13. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 14.8, cắt lỗ nếu ngưỡng 12 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

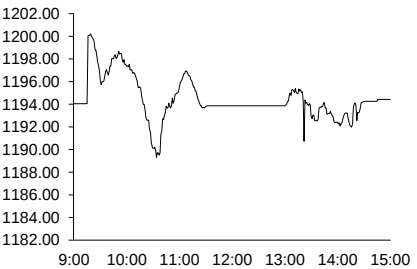
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-2.20%
Công nghệ Thông tin	-1.14%
Hóa chất	-1.06%
Tài nguyên Cơ bản	-0.63%
Thực phẩm và đồ uống	-0.61%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.54%
Dịch vụ tài chính	-0.43%
Dầu khí	-0.41%
Bán lẻ	-0.32%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.10%
Viễn thông	0.00%
Ngân hàng	0.08%
Y tế	0.12%
Xây dựng và Vật liệu	0.26%
Bất động sản	0.31%
Ô tô và phụ tùng	0.72%
Du lịch và Giải trí	0.88%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.90%
Bảo hiểm	1.38%

Hình 1

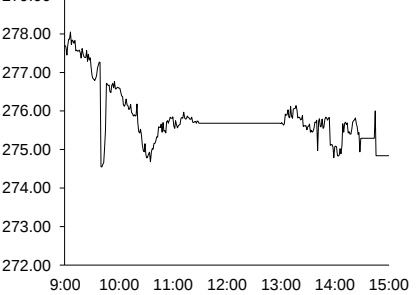
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

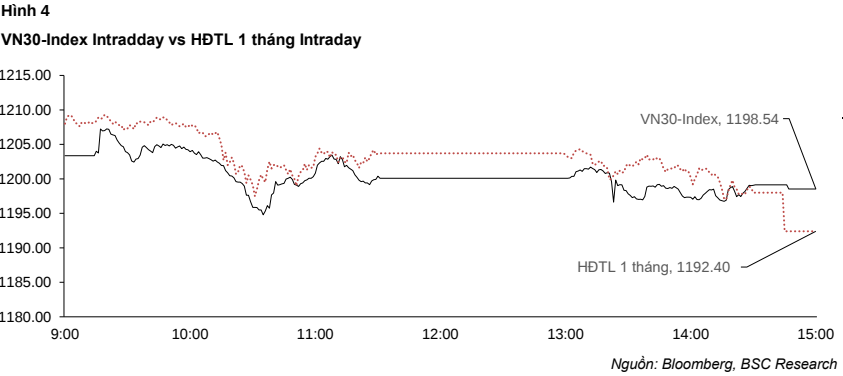
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	62.2	3	1.97%	Có thể tiếp tục mua
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	29.7	4	4.03%	Có thể tiếp tục mua
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	30.25	5	0.00%	Có thể tiếp tục mua
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	26.6	6	-0.37%	Có thể tiếp tục mua
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	6.95	7	-3.07%	Có thể tiếp tục mua
3/11/2021	STB	19.3	21.7	18	19.2	11	-0.52%	Có thể tiếp tục mua
3/9/2021	LDG	7.72	8.5	7.26	8	13	3.63%	Có thể tiếp tục mua
3/8/2021	CMX	16.95	18.65	15.85	16.2	14	-4.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/5/2021	POW	13.45	16	12.5	13.55	17	0.74%	Có thể tiếp tục mua
3/4/2021	GEX	22.95	25	21	23.35	18	1.74%	Có thể tiếp tục mua
2/26/2021	VCS	86.2	95	79.8	91.8	24	6.50%	Có thể tiếp tục mua
2/24/2021	SHS	26.7	32	22.8	28.8	26	7.87%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	16	28	12.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/18/2021	SSI	33.3	49.5	29.7	33.4	32	0.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	REE	54	62.5	50	56.5	41	4.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	41.45	41	7.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	80.8	47	-2.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	32.1	49	3.55%	Có thể tiếp tục mua
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	10	54	4.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	18.6	105	9.73%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/12/2021	SHB	17.7	19.8	16.3	TP	6	11.86%
3/10/2021	VCI	57.4	65.3	52.7	TP	9	13.76%
3/3/2021	LAS	9.9	12	8.5	FS	14	13.13%
3/2/2021	LHG	35.6	40	33.8	SL	20	-5.06%
3/1/2021	FCN	12.9	16	12	FS	14	14.34%
2/25/2021	HVN	29	32	27	TP	5	10.34%
2/23/2021	PVB	19.1	21.3	17.3	TP	10	11.52%
2/19/2021	HNG	12.5	14.5	11.5	SL	5	-8.00%
2/17/2021	CCL	11.65	14.3	9.9	TP	20	22.75%
2/5/2021	VIB	35.4	43	32.8	TP	25	21.47%
2/4/2021	FPT	72.5	82	63.4	FS	40	11.72%
2/2/2021	PC1	24.4	28.5	22	TP	27	16.80%
1/29/2021	HPX	36.35	42.2	32	TP	20	16.09%
1/28/2021	GKM	18.1	19.8	17.3	TP	6	9.39%
1/26/2021	HBC	18.9	22.9	14.7	SL	7	-22.22%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	15	5	4.59%	-2.21%	2.89%	27
Cổ phiếu đã chốt	119	57	13.22%	-8.09%	6.32%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2104	1192.40	-1.29%	-6.14	11.7%	127,426	4/15/2021	26
VN30F2105	1192.00	-0.06%	-6.54	-42.7%	146	5/20/2021	61
VN30F2106	1193.10	-1.48%	-5.44	-43.6%	88	6/17/2021	89
VN30F2109	1198.90	-0.79%	0.36	-34.4%	80	9/16/2021	180

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm −4.82 điểm, xuống 1198.54 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, MBB, VNM, VIC, HPG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1200 điểm. VN30 có thể tiếp tục động tích lũy quanh 1195-1210 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2104 và VN30F2109 đang tăng, trong khi VN30F2105 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CSBT2007	4/27/2021	36	2:1	636,100	42.03%	1,700	4,170	4.25%	3,788	1.10	18,788	15,495	23,500
CNVL2003	6/11/2021	81	10:1	711,700	23.82%	1,000	2,120	3.92%	1,753	1.21	73,979	63,979	80,800
CREE2006	5/10/2021	49	4:1	412,900	27.42%	1,500	3,790	3.84%	3,692	1.03	48,000	42,000	56,500
CHPG2018	5/14/2021	53	4:1	456,800	32.71%	1,200	4,490	0.22%	4,239	1.06	34,799	29,999	46,750
CSTB2007	4/27/2021	36	2:1	391,100	39.70%	1,500	4,370	0.00%	4,148	1.05	13,999	10,999	19,200
CSTB2103	8/9/2021	140	2:1	575,200	39.70%	1,400	2,650	0.00%	1,334	1.99	20,800	18,000	19,200
CHPG2105	8/9/2021	140	2:1	298,100	32.71%	3,000	5,330	-0.37%	3,480	1.53	48,000	42,000	46,750
CTCB2012	7/30/2021	130	1:1	146,100	35.52%	5,400	20,440	-0.78%	19,671	1.04	27,400	22,000	41,300
CHPG2010	4/5/2021	14	4:1	195,300	32.71%	1,800	6,050	-0.98%	3,428	1.77	32,969	27,079	46,750
CTCB2010	4/1/2021	10	2:1	141,500	35.52%	2,000	10,070	-1.27%	9,914	1.02	25,500	21,500	41,300
CVRE2014	5/4/2021	43	1:1	199,800	33.39%	4,600	7,580	-1.30%	7,279	1.04	32,100	27,500	34,600
CTCB2103	8/9/2021	140	2:1	371,700	35.52%	2,900	5,940	-1.33%	3,747	1.59	41,300	35,500	41,300
CSTB2014	6/14/2021	84	1:1	193,800	39.70%	3,800	7,680	-1.66%	7,336	1.05	15,800	12,000	19,200
CTCB2013	5/4/2021	43	1:1	247,300	35.52%	4,700	18,560	-2.16%	18,428	1.01	27,700	23,000	41,300
CVRE2013	7/30/2021	130	1:1	174,600	33.39%	5,000	8,500	-2.30%	7,877	1.08	32,500	27,500	34,600
CVPB2103	8/9/2021	140	2:1	300,600	38.88%	2,700	5,610	-2.43%	4,981	1.13	41,900	36,500	44,900
CMBB2010	6/14/2021	84	1:1	117,500	33.36%	4,600	13,170	-2.44%	12,824	1.03	20,600	16,000	28,650
CVPB2102	6/4/2021	74	2:1	235,900	38.88%	2,800	5,130	-3.21%	4,998	1.03	41,100	35,500	44,900
CFPT2016	6/22/2021	92	5:1	245,900	29.32%	2,580	6,150	-3.45%	5,859	1.05	62,900	50,000	78,700
Tổng				6,051,900	34.73%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/3/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CVJC2006 tăng mạnh 7.53%. Trái lại, CMSN2101 giảm mạnh -7.26%. Giá trị giao dịch giảm -4.24%. CTCB2013 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.94% thị trường.
- CVPB2013, CVPB2010, CHPG2025, CTCB2009, và CFPT2013 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2013, CHPG2025, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2010, CVPB2010, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VCB	97.00	2.97	1.41
VHM	99.30	1.53	0.87
NVL	80.80	2.28	0.83
VJC	132.70	1.69	0.71
CTG	41.10	1.61	0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	41.3	-1.67	-1.97
MBB	28.7	-1.88	-1.14
VNM	100.8	-0.88	-0.93
VIC	107.3	-1.01	-0.92
HPG	46.8	-0.85	-0.90

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	131.9	-0.8%	1.0	2,673	2.2	8,654	15.2	3.9	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	84.2	-0.5%	1.0	832	1.3	4,727	17.8	3.7	49.0%	21.8%
BVH	Bảo hiểm	62.2	2.0%	1.5	2,007	3.1	2,087	29.8	2.3	27.7%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.6	-0.3%	0.5	317	0.1	3,406	9.6	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	107.3	-1.0%	0.7	15,780	4.5	1,569	68.4	4.6	14.0%	6.7%
VRE	Bất động sản	34.6	1.8%	1.1	3,418	6.2	1,048	33.0	2.7	30.8%	8.5%
VHM	Bất động sản	99.3	1.5%	1.1	14,202	6.8	8,463	11.7	3.8	22.3%	39.1%
DXG	Bất động sản	24.7	-3.0%	1.3	555	12.1	(956)		2.1	33.8%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	33.4	0.3%	1.4	938	11.1	2,093	16.0	2.0	42.5%	13.1%
VCI	Chứng khoán	66.5	-1.3%	1.0	479	2.6	4,662	14.3	2.4	26.9%	17.9%
HCM	Chứng khoán	32.1	-2.0%	1.5	425	3.4	1,738	18.4	2.2	46.5%	12.1%
FPT	Công nghệ	78.7	-1.4%	0.9	2,682	7.1	4,520	17.4	3.9	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	77.8	-0.3%	0.4	926	0.1	5,165	15.1	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	90.5	-0.4%	1.4	7,531	2.0	4,038	22.4	3.6	2.8%	16.1%
PLX	Dầu khí	56.0	-0.5%	1.5	2,968	2.4	631	88.7	3.2	16.5%	4.4%
PVS	Dầu khí	23.8	-0.4%	1.6	495	7.6	1,357	17.5	0.9	9.4%	5.4%
BSR	Dầu khí	16.8	0.6%	0.8	2,265	10.1	898	18.7	1.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	100.6	0.1%	0.4	572	0.0	5,443	18.5	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	19.5	-0.5%	0.7	332	1.9	1,663	11.7	0.9	13.3%	8.6%
DCM	Hóa chất	17.1	-1.4%	0.6	392	2.6	1,030	16.6	1.4	3.2%	8.8%
VCB	Ngân hàng	97.0	3.0%	1.1	15,642	8.0	4,974	19.5	3.6	23.5%	20.5%
BID	Ngân hàng	44.7	-0.8%	1.3	7,808	5.0	1,740	25.7	2.4	17.1%	9.3%
CTG	Ngân hàng	41.1	1.6%	1.4	6,654	37.0	3,674	11.2	1.8	27.9%	16.9%
VPB	Ngân hàng	44.9	-0.7%	1.2	4,792	8.4	4,271	10.5	2.1	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.7	-1.9%	1.2	3,486	19.6	2,965	9.7	1.7	23.1%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.4	-1.2%	0.9	3,139	12.7	3,557	9.4	2.0	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	60.4	-0.7%	0.7	215	0.5	6,386	9.5	2.0	81.5%	21.2%
NTP	Nhựa	36.3	-0.3%	0.5	186	0.1	3,797	9.6	1.7	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	22.4	-0.4%	0.7	1,070	0.7	39	574.4	1.8	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.8	-0.8%	1.1	6,735	22.6	4,056	11.5	2.6	30.3%	25.2%
HSG	Thép	28.8	-1.2%	1.4	555	6.7	3,387	8.5	1.8	7.5%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	100.8	-0.9%	0.7	9,159	15.0	4,770	21.1	6.7	56.5%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	179.0	-0.6%	0.8	4,991	0.3	7,064	25.3	5.8	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	88.1	-0.7%	0.9	4,500	2.8	1,054	83.6	6.5	32.2%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	23.5	2.2%	1.2	631	5.2	946	24.8	1.9	7.9%	7.4%
ACV	Vận tải	74.4	-0.1%	0.8	7,042	1.4	3,450	21.6	4.4	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	132.7	1.7%	1.1	3,022	2.9	132		4.6	19.3%	0.5%
HVN	Vận tải	33.5	-0.1%	1.7	2,066	2.6	(7,647)		7.4	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	34.6	5.0%	0.9	453	8.7	1,133	30.5	1.8	37.9%	5.7%
PVT	Vận tải	17.9	0.3%	1.3	251	1.7	1,953	9.1	1.2	12.3%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	91.8	0.0%	1.1	639	0.6	8,545	10.7	3.8	3.6%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.0	0.3%	0.5	663	0.5	1,340	25.4	2.4	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.6	-0.5%	0.9	309	0.9	1,613	11.5	1.3	3.2%	11.5%
CTD	Xây dựng	76.0	-2.3%	1.0	245	5.0	5,769	13.2	0.7	45.3%	5.2%
CII	Xây dựng	24.4	1.7%	0.5	253	6.4	1,030	23.7	1.2	30.8%	5.1%
REE	Điện	56.5	0.5%	-1.4	759	2.4	5,250	10.8	1.5	49.0%	14.9%
PC1	Điện	30.1	-1.3%	-0.4	250	0.7	2,642	11.4	1.4	11.9%	13.6%
POW	Điện	13.6	1.1%	0.6	1,380	8.6	938	14.5	1.1	5.1%	7.9%
NT2	Điện	22.9	0.7%	0.5	286	0.3	2,095	10.9	1.5	15.6%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	41.4	-0.2%	1.1	846	11.0	363	113.9	2.0	22.0%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	57.8	0%	1.0	2,601	0.0			3.8	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	97.00	2.97	2.77	1.90MLN
VHM	99.30	1.53	1.34	1.58MLN
CTG	41.10	1.61	0.65	20.68MLN
NVL	80.80	2.28	0.47	1.12MLN
VRE	34.60	1.76	0.37	4.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.99	973900	1.11MLN
TCB	0.00	-0.66	10.55MLN	607060
VNM	0.00	-0.50	3.42MLN	373600
MBB	0.00	-0.41	15.63MLN	192700
BID	0.00	-0.38	2.56MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CIG	6.27	7.00	0.00	34100.00
HOT	32.90	6.99	0.01	100
FLC	8.58	6.98	0.11	45.89MLN
TS4	6.13	6.98	0.00	190700
ROS	4.30	6.97	0.04	44.76MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGR	38.30	-6.93	-0.05	23400
RIC	19.50	-6.92	-0.01	3300
NVT	10.55	-5.80	-0.02	88300.00
HPX	35.70	-4.55	-0.12	1.02MLN
NHA	47.00	-4.08	-0.01	212000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	200.00	0.25	0.20	388400.00
DNP	26.30	5.20	0.12	18000.00
NDN	26.30	4.37	0.10	1.61MLN
ART	6.90	9.52	0.08	9.22MLN
KLF	3.40	9.68	0.08	21.63MLN

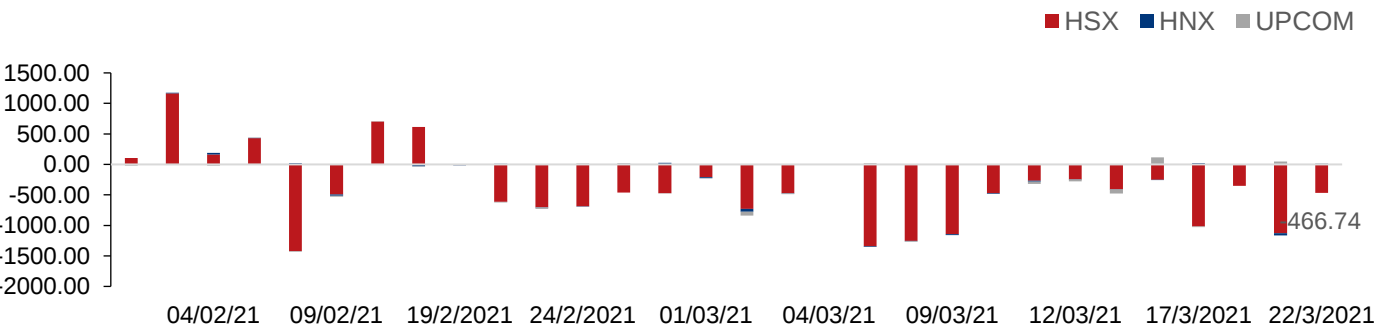
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	30.50	-7.01	-2.45	24000
SHB	19.20	-2.04	-0.84	24.95MLN
SHS	28.80	-1.71	-0.14	6.20MLN
S99	27.00	-5.26	-0.10	1.06MLN
DTD	41.50	-5.47	-0.06	219800

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MIM	7.70	10.0	0.00	1200
SGH	40.70	10.0	0.01	900
VE4	29.80	10.0	0.00	6700
VC7	17.70	9.9	0.03	105400
VCC	16.60	9.9	0.01	118000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTH	8.10	-10.00	0.00	600
PCT	7.40	-9.76	-0.01	88400
CJC	18.70	-9.66	0.00	200
SJ1	16.30	-9.44	-0.02	100
CMC	6.10	-8.96	0.00	6500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	16.7	1,390	12.0	1.0	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.4	3,557	9.4	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	74.4	3,450	21.6	4.4	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	32.7	4,065	8.0	1.5	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	41.1	3,674	11.2	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	60.5	13,724	4.4	1.5	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	69.4	5,734	12.1	2.6	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	125.4	5,923	21.2	4.7	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	19.5	1,663	11.7	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	29.7	2,158	13.8	2.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	24.7	-956		2.1	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	78.7	4,520	17.4	3.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	34.6	1,133	30.5	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	47.6	6,277	7.6	2.3	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	46.8	4,056	11.5	2.6	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	28.8	3,387	8.5	1.8	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.6	1,613	11.5	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	41.4	363	113.9	2.0	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	32.0	2,043	15.7	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	16.3			1.2	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	38.6	3,258	11.8	1.5	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	88.1	1,054	83.6	6.5	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	131.9	8,654	15.2	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	35.5	3,127	11.4	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	62.2	7,985	7.8	2.6	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	29.5	1,842	16.0	1.9	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	84.2	4,727	17.8	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.6	938	14.5	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	23.5	0	82.4	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.8	1,357	17.5	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	179.0	7,064	25.3	5.8	Click
36	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	23.5	946	24.8	1.9	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	41.3	3,521	11.7	2.0	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.0	4,974	19.5	3.6	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	45.8	4,239	10.8	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	19.7	563	35.0	1.6	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.5	3,873	10.7	1.5	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	100.8	4,770	21.1	6.7	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	99.3	8,463	11.7	3.8	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.7	1,071	27.7	2.5	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.5	875	13.1	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	133.3	9,180	14.5	7.2	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	44.9	4,271	10.5	2.1	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.6	1,048	33.0	2.7	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	91.2	4,105	22.2	7.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
3	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
4	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
5	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
6	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
8	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
9	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
10	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
11	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
13	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
14	Fishery Outlook 2021		x	Click
15	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
16	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
17	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
18	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
19	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
20	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
21	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
24	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
28	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
29	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
31	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
32	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
33	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
36	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
37	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
40	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639